

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 148/2017/HSST
Ngày 30 tháng 10 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hải
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vượng;
2. Bà Nguyễn Thu Hương;

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 151/2017/HSST ngày 04/10/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2017/QĐXXST-HS ngày 16/10/2017 đối với bị cáo:

- Nguyễn Văn T; sinh năm 1977;
- Nơi đăng ký HKTT: xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Chỗ ở hiện nay: Số nhà A, tổ dân phố T, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang;

- Nghề nghiệp: Lao động tự do; - Trình độ văn hoá: 7/12;
- Dân tộc: Kinh - Tôn giáo; Không; - Quốc tịch: Việt Nam;
- Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 (đã chết);
- Con bà: Dương Thị Đ, sinh năm 1958;
- Gia đình có 3 anh em, bị cáo là thứ nhất;
- Vợ: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1980;
- Bị cáo có 2 con (con lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2002);
- Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân: + Tại quyết định số 53/QĐ-XPVPHC ngày 24/10/2010, Trưởng Công an phường X, thành phố B xử phạt hành chính 750.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Tại quyết định số 44/QĐ-XPVPHC ngày 22/5/2014, Trưởng công an phường M, thành phố B xử phạt hành chính 750.000đ về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Bị cáo bị bắt quả tang ngày 04/7/2017, bị tạm giữ, tạm giam từ đó đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hà Văn B, sinh năm 1965,

Địa chỉ: Số nhà X, tổ dân phố M, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Hồi 9 giờ 45 phút ngày 04/7/2017 tại khu vực cầu thang tầng 1 nhà I, khu tập thể Đ thuộc phường L, thành phố B, tổ công tác Công an phường L, thành phố B bắt quả tang Nguyễn Văn T, sinh năm 1977, trú tại: Số nhà A, tổ dân phố T, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, thu tại túi áo ngực bên phải T đang mặc 01 (một) túi ni lon màu trắng một đầu có rãnh khoá bằng nhựa có đường viền màu xanh, bên trong có chứa chất cục bột màu trắng nghi là ma túy Hêrôin; Tổ công tác đã niêm phong tại chỗ vật chứng nghi là ma túy vào 01 (một) phong bì thư, lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, chuyển Công an thành phố B giải quyết. Ngoài ra tạm giữ một số tài sản sau: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar màu hồng, số imei 357450420291417; 01 xe mô tô nhãn hiệu QUICKNEWWAVE, biển kiểm soát 98H2-0113, số khung 01779065, số máy 01779065; 01 đăng ký xe mô tô trên mang tên Hà Văn B; 01 chứng minh thư nhân dân và 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Nguyễn Văn T.

Kết luận giám định số 1034/KL-PC54 ngày 05/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận: “Chất cục bột màu trắng đựng trong 01 (một) túi nilon màu trắng, một đầu có rãnh khóa bằng nhựa và đường viền màu xanh là chất ma túy Heroine, có trọng lượng là 0,232 gam”.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn T khai nhận như sau: Khoảng 09 giờ, ngày 04/7/2017, T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98H2-0113 từ phường Ngô Quyền, thành phố B đến khu tập thể nhà I, phường L gặp người thanh niên tên Q để mua ma túy sử dụng. Khi gặp nhau, T hỏi mua ma túy Hêrôin và đưa cho Q 100.000 đồng, Q cầm tiền rồi đưa lại cho T 01 túi ni lon bên trong có ma túy, T cất gói ma túy vào trong túi áo ngực bên phải đang mặc đi xuống khu vực chân cầu thang tầng 1 thì bị tổ công tác Công an phường L bắt quả tang.

Người thanh niên tên Q bán ma túy cho T do T khai không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98H2-0113, đăng ký chủ sở hữu là ông Hà Văn B, chiếc xe này T mua của ông Hà Văn B nhưng chưa đăng ký lại.

Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar màu hồng có số imei 357450420291417 là của T, 01 chứng minh thư nhân dân và 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Nguyễn Văn T không liên quan đến hành vi phạm tội. Những tài sản này được nhập kho vật chứng cùng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98H2-0113 và 01 phong bì đựng mẫu vật (ma túy Hêrôin) hoàn lại sau giám định.

Tại Bản cáo trạng số 153/KSĐT ngày 03/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hà Văn B trình bày: Năm 2001, ông có mua một chiếc xe mô tô nhãn hiệu QuickNewwave, biển kiểm soát 98H2-0113 để làm phương tiện đi lại và có đăng ký chính chủ sở hữu. Năm 2016, do không có nhu cầu nên ông đã bán lại chiếc xe trên cho Nguyễn Văn T (là cháu của ông Bích) với giá 1.500.000 đồng, khi mua bán không làm giấy tờ gì và chỉ thỏa thuận bằng miệng. Nay ông thừa nhận đã bán xe cho T và không có yêu cầu, đề nghị gì.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo T và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 194; điểm p Khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn T từ 18 đến 21 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/7/2017.

Do bị cáo không có điều kiện thi hành án nên không buộc bị cáo phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định;
- Tịch thu 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu QuickNewwave, biển kiểm soát 98H2-0113, số khung 01779065, số máy 01779065, kèm theo 01 đăng ký xe mô tô ghi biển kiểm soát 98H2-0113 mang tên Hà Văn B để sung quỹ Nhà nước.

- Trả lại bị cáo 01 chứng minh thư nhân dân và 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Nguyễn Văn T.

- Trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar màu hồng có số imei 357450420291417 do không liên quan đến hành vi phạm tội, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Lời khai của bị cáo trước phiên toà hôm nay phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ, đã có đủ cơ sở kết luận: Hồi 09 giờ 45 phút ngày 04/7/2017, tại khu vực chân cầu thang tầng 1 nhà I, khu tập thể Đ thuộc phường L, thành phố B, tổ công tác Công an phường L, thành phố B bắt quả tang Nguyễn Văn T có hành vi tàng trữ trái phép 0,232 gam chất ma túy Hêrôin.

Hành vi của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo tội danh và Điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tình chất hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội. Ma túy là hiểm họa xã hội, làm sứt mẻ đạo đức và là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Đảng và Nhà nước đang quyết tâm loại trừ tệ nạn này. Nhưng chỉ vì thỏa mãn nhu cầu cá nhân, bị cáo đã cố ý phạm tội. **Do đó**, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự để đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho loại tội phạm này.

Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Tại cơ quan điều tra và tại phiên toà hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải nên cần áp dụng điểm p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Sau khi xem xét mọi mặt, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bản thân bị cáo là đối tượng có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nh- ng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục dấn thân vào con đ- ờng phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, có nh- vậy mới đủ điều kiện để bị cáo cải sửa lỗi lầm của mình.

Do có sự thay đổi của pháp luật đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Cụ thể là: Theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định khung hình phạt của tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” từ 02 năm đến 07 năm, nhưng tại khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định khung hình

phạt của “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” từ 01 năm đến 05 năm. Mặc dù Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực nhưng căn cứ vào khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, căn cứ hướng dẫn tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội thì các quy định có lợi cho người phạm tội được xem xét, áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ biên bản xác minh đối với chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú thấy rằng: Bị cáo không có điều kiện thi hành hình phạt bổ sung. Do vậy, cần miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

Người thanh niên tên Q bán ma túy cho bị cáo do bị cáo khai không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể ở đâu nên không có căn cứ xử lý là đúng.

Về xử lý vật chứng của vụ án:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định;
- Trả lại bị cáo 01 chứng minh thư nhân dân và 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Nguyễn Văn T vì không liên quan gì đến việc phạm tội.

- **Đối với** chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar màu hồng có số imei 357450420291417 thu trên người bị cáo lúc bắt quả tang. **Hội đồng xét xử thấy cần trả lại cho bị cáo vì không có căn cứ chứng minh bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nh- ng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.**

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu QuickNewwave, biển kiểm soát 98H2-0113, số khung 01779065, số máy 01779065 bị cáo đã mua lại của ông Hà Văn B làm phương tiện đi lại hàng ngày, **không có căn cứ chứng minh bị cáo sử dụng chiếc xe vào việc phạm tội, bị cáo không sử dụng chiếc xe này vào việc tàng trữ ma túy. Do vậy, cần trả lại cho bị cáo** chiếc xe nêu trên và 01 đăng ký xe mô tô mang tên Hà Văn B, **nh- ng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.**

Bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.
- Áp dụng: Khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (Một) năm 07 (Bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 04/7/2017.

2. **Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định;
- Trả lại bị cáo 01 chứng minh thư nhân dân và 01 giấy phép lái xe mô tô mang tên Nguyễn Văn T;
- Trả lại bị cáo 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu QuickNewwave, biển kiểm soát 98H2-0113, số khung 01779065, số máy 01779065; 01 điện thoại di động

nhãn hiệu Mobistar màu hồng có số imei 357450420291417 và 01 đăng ký xe mô tô ghi biển kiểm soát 98H2-0113 mang tên Hà Văn B, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Toàn bộ đặc điểm vật chứng theo lệnh xuất kho vật chứng số 124/KSĐT ngày 03/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B và biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/10/2017 giữa Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

3. Về án phí: Áp dụng: Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T **phải** chịu **200.000đ (Hai trăm ngàn đồng)** án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 231; Điều 234 - Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7^a, 7^b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

-VKS thành phố B;

- Công an thành phố B;

-Tòa án nhân tỉnh Bắc Giang;

- Chi cục thi hành án thành phố B;

-Bị cáo, ng- ời liên quan;

L- u HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Dương Văn Hải

